

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỘI AN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 07/9/2021.

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỘI AN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Huỳnh Thị Kim Oanh.

2/ Ông Nguyễn Văn Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ba, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Phùng Thị Bông, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đào Huỳnh T, sinh năm 1984. (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: đường H, phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng.

- Bị đơn: Ông Phan Văn P, sinh năm 1980. (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: thôn T, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/02/2021, bản trình bày ngày 07/4/2021, bản trình bày ngày 29/7/2021, nguyên đơn, bà Đào Huỳnh T trình bày:

Vợ chồng bà sau thời gian tìm hiểu thì quyết định kết hôn vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân hoàn toàn trên tinh thần tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do ông Phan Văn P không lo làm ăn, bài bạc nợ nần, không chăm lo cho gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Bà T và ông P không còn chung sống kể từ ngày 05/9/2020 cho đến nay. Nay bà T xét thấy cuộc sống vợ chồng

không hạnh phúc, vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà T cương quyết xin ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phan Đào Gia H1, sinh ngày 04/9/2018. Bà T hiện đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Sau khi ly hôn, bà có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*).

Về tài sản chung: Không có.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 08/7/2021, bị đơn, ông Phan Văn P trình bày:

Vợ chồng ông kết hôn vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung tại thành phố Hồ Chí Minh, nơi vợ chồng cùng làm việc. Cuộc sống vợ chồng ban đầu rất hạnh phúc. Đến năm 2020, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do kinh tế khó khăn, sau đó dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Vợ chồng không còn chung sống với nhau khoảng một năm nay. Nay bà T yêu cầu ly hôn, ông chấp nhận ly hôn nhưng do vợ chồng vẫn còn nhiều vấn đề chưa giải quyết nên ông không chịu ký đơn thuận tình ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phan Đào Gia H1, sinh ngày 04/9/2018. Bà T hiện đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Sau khi ly hôn, ông P thống nhất giao con cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng và chỉ chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

Về tài sản chung: Không có.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đầy đủ, các quy định của pháp luật, vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa hai lần không có lý do dù đã được tổng đạt hợp lệ. Vì vậy Tòa án tiếp tục xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 và Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Đào Huỳnh T được ly hôn ông Phan Văn P. Về con chung, giao cháu Phan Đào Gia H1, sinh ngày 04/9/201 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông P cấp

dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng, ông P có quyền thăm nom con chung. Bà Đào Huỳnh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Đào Huỳnh T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn ông Phan Văn P; ông P hiện đang cư trú tại thôn T, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Trước khi mở phiên tòa, Tòa án đã tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà Đào Huỳnh T và ông Phan Văn P. Tại phiên tòa, P vắng mặt lần thứ hai, không có lý do; bà T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố H căn cứ vào khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông, bà.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đào Huỳnh T và ông Phan Văn P kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng vào ngày 22/3/2018 (số: 10/2018) nên hôn nhân của họ là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng theo bà T là do là do ông Phan Văn P không lo làm ăn, bài bạc nợ nần, không chăm lo cho gia đình; còn đối với ông P, vợ chồng mâu thuẫn vì kinh tế khó khăn, sau đó dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa. Bà Đào Huỳnh T và ông Phan Văn P không còn chung sống từ gần một năm nay. Do đó, bà T nộp đơn xin ly hôn ông P. Quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổ chức nhiều lần hòa giải, nhưng ông P đều cố tình vắng mặt, bà T vẫn cương quyết xin ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông P đã đến mức trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đào Huỳnh T theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Bà T, ông P có 01 con chung tên Phan Đào Gia H1, sinh ngày 04/9/2018. Bà T hiện đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Cháu Gia H1 hiện còn quá nhỏ, rất cần sự chăm sóc của người mẹ, ông P cũng thống nhất giao con chung cho bà T nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Huy cho bà T nuôi dưỡng và chấp nhận yêu cầu của bà T về việc buộc ông P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Về tài sản chung: Bà T và ông P đều thống nhất vợ chồng không có tài sản chung và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Đào Huỳnh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147 và khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 và Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1) Về Quan hệ hôn nhân: Cho bà Đào Huỳnh T được ly hôn ông Phan Văn P.

2) Về con chung: có một con chung tên Phan Đào Gia H1, sinh ngày 04/9/2018.

Giao cháu H1 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông Phan Văn P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*). Thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 9/2021 đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi và đủ khả năng lao động tự nuôi sống bản thân.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền được trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông P có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3) Án phí: Bà Đào Huỳnh T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0005114 ngày 07 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố H.

Bà T đã nộp đủ án phí.

Ông Phan Văn P phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Bà Đào Huỳnh T, ông Phan Văn P có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
 - VKSND thành phố Hội An;
 - Chi cục THA DS thành phố Hội An;
 - UBND P. Nam Dương, Q. Hải Châu
- (Số: 10/2018, ngày 22/3/2018);
- Thành phần tham gia tố tụng;
 - Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Huỳnh Thị Bích Hà